

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN/CHỦ NGHĨA TẬP THỂ VÀ HẠNH PHÚC TRONG SỰ SO SÁNH GIỮA CÁC NỀN VĂN HOÁ

Nguyễn Hữu An

Khoa Xã hội học – Đại học Khoa học – Đại học Huế

Tóm tắt:

Nghiên cứu này sử dụng số liệu từ khảo sát giá trị thế giới (World Values Survey) tìm hiểu mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và trạng thái hạnh phúc. Trái với quan điểm thông thường và những phân tích ở cấp độ xã hội, kết quả ở cấp độ phân tích cá nhân chỉ ra rằng, ở các nước phương Đông, những người càng đề cao giá trị cá nhân/chủ nghĩa cá nhân, càng cảm thấy hạnh phúc. Trong khi đó, ở những nước phương Tây, chỉ số hạnh phúc càng cao khi mức độ thoả mãn các giá trị định hướng tập thể càng tăng ở mỗi cá nhân.

Từ khoá: Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tập thể, hạnh phúc, giá trị xã hội

Giới thiệu

Trong hai thập kỷ gần đây, nghiên cứu về trạng thái hạnh phúc chủ quan (subjective wellbeing - SWB) thu hút nhiều sự chú ý các học giả từ nhiều lĩnh vực. Các nghiên cứu này xoay quanh các chủ đề (1) SWB bất biến hay thay đổi theo thời gian? (2) Sự khác biệt về SWB khác nhau như thế nào giữa các nền văn hoá? và (3) Những yếu tố nào xác định và dự báo SWB trong các xã hội hay các nền văn hoá cụ thể?

Inglehart (2008) và nhóm tác giả sử dụng số liệu từ khảo sát giá trị thế giới (World Values Survey - WVS) chứng minh SWB tăng theo thời gian. Phát hiện này trái ngược với những nghiên cứu trước, khi cho rằng, SWB có thể thay đổi xung quanh một điểm cố định nhưng gần như bất biến. Sự phát triển về kinh tế, tiến trình dân chủ hoá và sự mở rộng nhận thức về lòng khoan dung xã hội dẫn đến sự tăng lên về nhận thức tự do cá nhân ở các quốc gia trên thế giới và điều này đến lượt làm tăng chỉ số SWB (Inglehart và các cộng sự, 2008). SWB có sự khác biệt giữa các xã hội, thu nhập và thịnh vượng là những yếu tố xác định quan trọng. Các nước phát triển có chỉ số hạnh phúc cao hơn các nước đang phát triển và nước nghèo. Mối liên hệ giữa sự thịnh vượng quốc gia và mức độ hạnh phúc được chứng minh với hệ số tương quan khá cao (0.60-0.70). Ở cấp độ cá nhân, thu nhập và SWB có sự khác nhau giữa những nước nghèo và những nước giàu. Đối với những nước giàu, mối liên hệ giữa thu nhập và SWB rất thấp, thu nhập chỉ giải thích từ 2-3% sự dao động về phương sai của SWB. Ở những nước nghèo, thu nhập là một yếu tố quan trọng dự báo chỉ số SWB cá nhân. Trong một xã hội cụ thể, thu nhập có mối liên hệ hình đường cong với SWB, sự tăng lên về thu nhập kéo theo sự tăng lên về chỉ số hạnh

phúc ở những người nghèo, tuy nhiên, sự tăng lên về thu nhập không ảnh hưởng đến chỉ số hạnh phúc ở những người giàu (Ahuvia, 2010).

Mối tương quan chặt chẽ giữa sự thịnh vượng quốc gia và chỉ số hạnh phúc cá nhân được thiết lập và chứng minh qua các nghiên cứu, tuy nhiên cơ chế theo sau mối liên hệ này là điều cần đáng bàn. Các quốc gia giàu ngoài việc đảm bảo những tiêu chuẩn tốt về điều kiện sống còn có xu hướng cởi mở, tự do, cá nhân được tối đa hoá thể hiện bản thân hơn là tuân theo trách nhiệm, nghĩa vụ xã hội, điều này thúc đẩy trạng thái hạnh phúc (Ahuvia, 2010; Inglehart, 2008). Cơ chế văn hoá ảnh hưởng đến chỉ số SWB vì vậy được tập trung tìm hiểu. Mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và SWB là tâm điểm của khuynh hướng tiếp cận này.

Uchida (2004) cùng các cộng sự đề cập đến những cấu trúc văn hoá của sự hạnh phúc và chỉ ra sự khác biệt về quan niệm và những yếu tố dự báo SWB giữa các nền văn hoá. Văn hoá Âu-Mỹ (European-American cultures) quan niệm hạnh phúc gắn liền với những thành tựu mang tính cá nhân, và được xác định bởi mức độ cái tôi cá nhân được đề cao. Trong khi đó, văn hoá Đông Á (East Asian cultures) xem hạnh phúc dựa trên sự liên hệ, sự cố kết liên cá nhân và được xác định bởi sự phụ thuộc cái tôi cá nhân trong mối quan hệ xã hội. Mặc dù ở cấp độ phân tích xã hội, SWB được xác định dựa vào những giá trị định hướng cá nhân ở những nền văn hoá Âu-Mỹ (sau đây gọi là phương Tây), và được quan niệm dựa trên sự chia sẻ và đề cao những giá trị định hướng tập thể ở những nền văn hoá Đông Á (sau đây gọi là phương Đông). Tuy nhiên, một câu hỏi đặt ra, điều đó có xảy ra tương tự ở cấp độ phân tích cá nhân hay không? Hay nói cách khác, có hay không ở xã hội phương Tây những người càng đề cao giá trị định hướng cá nhân, càng cảm thấy hạnh phúc, trong khi đó ở xã hội phương Đông các cá nhân càng cảm thấy hạnh phúc khi được thoả mãn các giá trị định hướng tập thể?

Mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và SWB ở cấp độ phân tích cá nhân không có sự đồng nhất giữa các kết quả nghiên cứu. Ogihara và Uchida (2014) trong nghiên cứu của mình chỉ ra rằng, chủ nghĩa cá nhân không có mối liên hệ với chỉ số hạnh phúc của người Mỹ. Bên cạnh đó, chủ nghĩa cá nhân có mối liên hệ không đồng thuận với sự hạnh phúc của người Nhật Bản, tức là, ở Nhật, những người càng đề cao cái tôi cá nhân, càng cảm thấy không hạnh phúc. Steele và Lynch (2013) đã phát hiện chủ nghĩa cá nhân là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến mức độ hạnh phúc của người dân Trung Quốc và mối liên hệ này diễn ra cùng chiều. Như vậy, mặc dù Nhật Bản và Trung Quốc là hai nền văn hoá cùng có thiên hướng đề cao tính tập thể, tuy nhiên người Trung Quốc cảm thấy hạnh phúc khi cá giá trị cá nhân được đề cao, trong khi đó mối quan hệ này không diễn ra ở người Nhật. Tương tự Mỹ là nền văn hoá có thiên hướng đề cao cái tôi cá nhân, tuy nhiên nghiên cứu chỉ ra sự đề cao các giá trị cá nhân không ảnh hưởng đến chỉ số SWB của người Mỹ.

Sự không đồng nhất các kết quả ở cấp độ phân tích cá nhân có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sau: (1) Bản thân mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và mức độ hạnh phúc ở cấp độ phân tích cá nhân rất phức tạp và đa dạng, không phụ thuộc vào nền văn hoá các nghiên cứu được thực hiện thiên về định hướng giá trị cá nhân hay định hướng giá trị tập thể; (2) Có sự khác biệt trong việc đo lường khái niệm hạnh phúc và các chỉ báo cấu trúc nên chỉ số đo lường khái niệm chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể. Sự khác biệt này dẫn đến sự không đồng nhất trong cách hiểu về các khái niệm được nghiên cứu ở trên; và (3) Kích thước mẫu không đủ lớn có thể là nguyên nhân dẫn đến những sai lệch trong kết quả của các nghiên cứu đã được thực hiện.

Nghiên cứu này là nỗ lực tiếp theo tìm hiểu mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và sự hạnh phúc ở cấp độ phân tích cá nhân, với mong muốn đóng góp những phát hiện mới hoặc kiểm định kết quả các nghiên cứu trước đưa ra. Phần tiếp theo đề cập đến nội dung lý thuyết xung quanh khái niệm hạnh phúc cá nhân và giá trị định hướng cá nhân (chủ nghĩa cá nhân), giá trị định hướng tập thể (chủ nghĩa tập thể). Phần thứ ba trình bày giả thuyết nghiên cứu, dữ liệu, chiến lược và phương pháp phân tích dữ liệu của nghiên cứu. Phần thứ tư trình bày những phát hiện chính và thảo luận. Phần cuối cùng là kết luận.

Hạnh phúc, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể: Cơ sở lý thuyết

Trạng thái hạnh phúc

“Life satisfaction”, “Happiness” và “Well-being” là những thuật ngữ thường được sử dụng trong các nghiên cứu về trạng thái hạnh phúc. “Life satisfaction” đo lường sự hài lòng trong cuộc sống cá nhân. “Happiness” và “Well-being” đều mang nghĩa hạnh phúc, tuy nhiên “Well-being” là một khái niệm đa khía cạnh và phức tạp hơn “Happiness”, bao gồm sự hài lòng, thoải mái về thể chất (physical well-being) hay là sự hài lòng, hạnh phúc về kinh tế (economic well-being) (Yew-Kwang Ng, 2010). Các nghiên cứu đã chỉ ra SWB phải được đo lường chính xác thông qua sự đánh giá chủ quan của bản thân cá nhân, từ đó khái niệm “Subjective Well-being” (SWB) – “Trạng thái hạnh phúc chủ quan” được sử dụng phổ biến để đo lường mức độ hạnh phúc cá nhân. SWB bao gồm ba khía cạnh chủ yếu: (1) Sự hiện diện và tính thường xuyên của những cảm xúc tích cực; (2) Sự vắng mặt của những cảm xúc tiêu cực; và (3) Niềm tin nhận thức về mức độ hài lòng cuộc sống tổng thể của một cá nhân (Ahuvia, 2002). SWB thường được đo lường thông qua việc cá nhân sẽ cho điểm mức độ hạnh phúc hoặc mức độ hài lòng cuộc sống của bản thân trên một thang điểm với hai điểm đầu, cuối là mức độ hạnh phúc/hài lòng cuộc sống cực đại và cực tiểu (Uchida và Oishi, 2016).

Chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể

Chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể là những yếu tố thường được dùng trong những nghiên cứu so sánh văn hoá. Những định nghĩa mang tính khái niệm hoá xem chủ nghĩa

cá nhân là một thể giới quan, với cái tôi cá nhân là trung tâm điểm, đề cao mục tiêu cá nhân, tính đơn nhất cá nhân và sự tự kiểm soát cá nhân, trong khi đó ngoại vi hoá tính xã hội (không đề cao các mối liên hệ xã hội). Theo Hofstede (1980), chủ nghĩa cá nhân xem quyền lợi cao hơn nghĩa vụ mà cá nhân phải thực hiện, đề cao cái tôi cá nhân và tính tự thực hiện. Waterman (1984) hàm ý chủ nghĩa cá nhân đề cao tránh nhiệm cá nhân, sự tự do lựa chọn, sự theo đuổi những tiềm năng bản thân. Chủ nghĩa tập thể ở một khía cạnh đối lập với ngụ ý rằng cá nhân được cố kết và ép buộc bởi những mối quan hệ xã hội, xem nghĩa vụ đối với nhóm và xã hội mà cá nhân là thành viên cao hơn quyền lợi cá nhân có được. Osyerman cho rằng, chủ nghĩa cá nhân bao gồm các khía cạnh độc lập, cạnh tranh, tính mục đích, tính đơn nhất, tính cá nhân, tự nhận thức và sự giao tiếp trực tiếp. Trong khi đó chủ nghĩa tập thể bao gồm mối liên hệ, sự chỉ bảo, phụ thuộc, tính tùy thuộc bối cảnh, tính bồn phẫn, tính tập thể, sự hoà hợp và sự tuân theo cấp bậc (Kwang-Il Yoon, 2010, 59-60).

Ở cấp độ xã hội, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể là hai thái cực đối nghịch trên một thể liên tục đơn hướng. Một xã hội đề cao cái tôi cá nhân sẽ không xem trọng tính tập thể trong các đặc điểm văn hoá của xã hội đó, như vậy, một người sống trong xã hội đề cao cái tôi cá nhân sẽ coi trọng chủ nghĩa cá nhân và ngược lại (Hofstede, 1980). Hofstede chỉ ra các quốc gia phương Tây là những xã hội đề cao cái tôi cá nhân, những quốc gia đang phát triển là những xã hội theo khuynh hướng chủ nghĩa tập thể. Hầu hết các nước Đông Á có xu hướng đề cao các giá trị tập thể hơn các giá trị cá nhân (Gelfand và các đồng nghiệp, 1996). Ở cấp độ cá nhân, hai khái niệm này được phát hiện độc lập với nhau. Triandis (1995) cùng các tác giả chứng minh cá nhân có thể vừa đề cao cái tôi cá nhân vừa đề cao tính tập thể, hay vừa không xem trọng trong cả hai, hoặc chỉ đề cao một trọng hai. Nguyễn Hữu An (2016) chỉ ra sự đề cao hay xem nhẹ chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể ở cấp độ cá nhân đa dạng và tùy thuộc vào (1) các đặc điểm như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, tầng lớp xã hội, khu vực sinh sống; và (2) bối cảnh của mối quan hệ. Một cá nhân có khuynh hướng đề cao giá trị tập thể trong mối quan hệ bạn bè, tuy nhiên lại xem trọng cái tôi cá nhân trong các mối quan hệ công việc

Theo Yoon (2010), chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể là những giá trị văn hoá vì các đặc tính này được chia sẻ bởi những thành viên trong một nhóm cụ thể và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong cùng một nhóm xã hội. Hơn nữa, chúng phản ánh những gì các thành viên trong một xã hội mong đợi và được duy trì một cách lâu bền. Nghiên cứu này xem chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể như là những giá trị định hướng cá nhân và định hướng tập thể.

Nghiên cứu hiện tại

Nhằm cung cấp thêm những phát hiện và bằng chứng khoa học về mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể với SWB ở cấp độ phân tích cá nhân, dựa trên các phát hiện từ những nghiên cứu trước, giả thuyết cần được kiểm định cho nghiên cứu này như sau:

Ở những nền văn hoá phương Tây (đề cao giá trị cá nhân) cá nhân cảm thấy hạnh phúc khi các giá trị định hướng cái tôi được đề cao, hay nói cách khác, mối liên hệ giữa giá trị định hướng cá nhân và chỉ số SWB cùng chiều và có ý nghĩa thống kê. Ngược lại, ở những nền văn hoá phương Đông (đề cao giá trị tập thể), cá nhân cảm thấy hạnh phúc khi giá trị định hướng tập thể được xem trọng, tức là, mối liên hệ giữa giá trị định hướng tập thể và chỉ số SWB cùng chiều và có ý nghĩa thống kê.

Dữ liệu, chiến lược và phương pháp phân tích dữ liệu

Cơ sở dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng cơ sở dữ liệu từ đợt khảo sát thứ 5 của dự án Khảo Sát Giá Trị Thế Giới (The World Values Survey - WVS) được thực hiện từ 1999 đến 2004. WVS là một nghiên cứu về giá trị con người tiến hành từ năm 1981 với 6 đợt khảo sát được thực hiện trên 60 quốc gia. Hơn 1000 bài báo và các ấn phẩm khoa học trên thế giới được xuất bản dựa vào cơ sở dữ liệu này (<http://www.worldvaluessurvey.org/wvs.jsp>). WVS sử dụng bảng hỏi chuẩn hoá và phương pháp chọn mẫu cụm nhiều giai đoạn với dung lượng mẫu trung bình khoảng 1400 người trả lời ở mỗi nước được khảo sát. Nghiên cứu này sử dụng cơ sở dữ liệu của 6 nước và vùng lãnh thổ được chia thành hai nhóm, nhóm các nước với nền văn hoá thiên hướng đề cao giá trị cá nhân và nhóm các nước với nền văn hoá có thiên hướng đề cao giá trị tập thể dựa trên cơ sở công trình nghiên cứu của Hofstede (1980). Nhóm nước có nền văn hoá đề cao chủ nghĩa cá nhân bao gồm Mỹ, Tây Đức, Na Uy với tổng số 3262 người trả lời (46.07%). Nhóm nước có nền văn hoá thiên về định hướng giá trị cá nhân gồm Nhật Bản, Đài Loan và Việt Nam với 3818 người trả lời (53.93%).

Chiến lược và phương pháp phân tích dữ liệu:

Để kiểm định giả thuyết, nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến ứng dụng phương pháp bình phương tối thiểu nhằm xác định ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể đến trạng thái hạnh phúc ở mỗi nền văn hoá. Hai mô hình hồi quy tuyến tính đa biến giống nhau sử dụng cho mỗi nhóm nước được phát triển như sau:
Chỉ số SWB = $\beta_0 + \beta_1$ chỉ số IND + β_2 chỉ số COL + β_3 nhân tố bên trong + β_4 nhân tố bên ngoài + ϵ

Mô hình hồi quy tuyến tính trên thể hiện sự tiên lượng ảnh hưởng của hai biến độc lập chính là chỉ số IND (chủ nghĩa cá nhân) và chỉ số COL (chủ nghĩa tập thể) đến biến phụ thuộc – chỉ số SWB. Theo Uchida và Oishi (2016), SWB còn bị ảnh hưởng bởi những nhân tố tương đối ổn định ở bên trong và bên ngoài mỗi cá nhân, do đó, mô hình sẽ kiểm soát ảnh hưởng của các biến số này lên chỉ số SWB bằng cách bao gồm các nhân tố đó vào phương trình. Trong mô hình nêu trên, ϵ là biểu tượng của sai số ước tính.

Biến phụ thuộc: Biến phụ thuộc của mô hình hồi quy là chỉ số SWB. Nghiên cứu này áp dụng chỉ số SWB được phát triển bởi Inglehart bằng việc kết hợp hai thang đo của biến

số “satisfaction with life” (sự hài lòng trong cuộc sống) với 10 điểm (1 cực kỳ không hài lòng – 10 cực kỳ hài lòng) và “feeling of happiness” (cảm giác hạnh phúc) với 4 điểm (1 rất hạnh phúc – 4 không hạnh phúc) ở cơ sở dữ liệu. Chỉ số SWB được thiết lập theo công thức: **Chỉ số SWB = sự hài lòng trong cuộc sống – 2.5* cảm giác hạnh phúc**. Như vậy, một cá nhân hoàn toàn hạnh phúc có chỉ số SWB là 7.5; cá nhân ở trạng thái cân bằng có chỉ số SWB bằng 0; cá nhân cảm thấy không hạnh phúc sẽ có chỉ số SWB âm.

Biến độc lập: Biến độc lập chính của mô hình là chỉ số IND và chỉ số COL. Nghiên cứu này sẽ ứng dụng phương pháp của Kwang-II Yoon được đề xuất ở luận án tiến sĩ của tác giả để thiết lập hai chỉ số này. Dựa trên các khía cạnh về IND và COL theo quan điểm của Osyerman, IND và COL được thành từ sự kết hợp các phương án trả lời phản ánh sự coi trọng hoặc xem nhẹ giá trị cá nhân/tập thể của người được hỏi qua các phương án trả lời câu hỏi “*Here is a list of qualities that children can be encouraged to learn at home. Which, if any, do you consider to be especially important? Please choose up to five!*” (Đây là một danh sách những phẩm chất trẻ em nên được khuyến khích tiếp thu tại nhà. Theo ông/bà, phẩm chất nào sau đây là quan trọng? Xin hãy chọn tối đa 5 phương án!). Mỗi phương án trả lời của câu hỏi này được mã hoá 1 “được đề cập” và 2 “không được đề cập”. Chỉ số IND và COL được phát triển theo công thức như sau: **Chỉ số IND = Sự độc lập + Tinh thần trách nhiệm + Sự sáng tạo + Tinh kiên định và sự kiên trì**; **Chỉ số COL = Lòng khoan dung và tôn trọng con người + Lòng tin vào tôn giáo + Sự không ích kỷ + Sự phụng thờ**. Với mục đích phân tích, nghiên cứu này sẽ mã hoá phương án trả lời “không được đề cập” từ 2 chuyển sang 0. Như vậy, người trả lời có chỉ số IND cao nhất bằng 4, và thấp nhất bằng 0. Tương tự đối với chỉ số COL.

Ảnh hưởng của IND và COL lên SWB được kiểm soát bởi ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài và bên trong đến SWB (Uchida và Oishi, 2016). Các yếu tố bên trong là những đặc điểm và những đánh giá, cảm nhận mang tính cá nhân. Các yếu tố bên ngoài liên quan đến những sự kiện, trải nghiệm cá nhân đã trải qua trong cuộc sống. Dựa trên sự sẵn có của các nhân tố này ở đợt khảo sát thứ 5 của WVS, nghiên cứu này phân loại hai nhân tố này như sau: **Nhân tố bên trong:** (1) *Biến số giới tính* được mã hoá thành biến nhị phân với 1 “Nam” và 0 “Nữ”; (2) *Biến số tuổi* là biến số liên tục từ cơ sở dữ liệu của khảo sát; (3) *Biến số tôn giáo* với 3 phương án trả lời “theo tôn giáo”, “không theo tôn giáo”, “theo thuyết vô thần”; (4) *Biến tình trạng sức khoẻ* được mã hoá với thang đo từ 1 “rất không tốt” đến 4 “rất tốt”; (5) *Biến số lòng tin xã hội* là biến nhị phân được mã hoá lại với thang đo 1 “hầu hết mọi người đều có thể tin tưởng” và 0 “cần cẩn thận để tin người khác”; (6) *Biến số mức độ tự do trong lựa chọn* có thang đo 10 điểm từ 1 “hoàn toàn không được tự do” đến 10 “hoàn toàn tự do”; (7) *Biến số hài lòng với tình hình tài chính* có thang đo từ 1 “hoàn toàn không hài lòng” và 10 “hoàn toàn hài lòng”. **Nhân tố bên ngoài:** (1) *Biến số về thu nhập* với thang đo 10 điểm 1 “khoảng thu nhập thấp nhất” đến 10 “khoảng thu nhập cao nhất”; (2) *Biến số tình trạng hôn nhân* được mã hoá lại thành 1 “kết hôn” (gồm những người kết hôn hoặc sống với nhau như vợ chồng nhưng không kết hôn) và 0

“khác” (gồm ly hôn, ly dị, goá, độc thân/không bao giờ kết hôn); (3) *Biến trình độ học vấn* bao gồm 4 phương án trả lời “mù chữ/không đi học”, “tốt nghiệp cấp 1”, “tốt nghiệp cấp 2”, “tốt nghiệp cấp 3”, “đại học và sau đại học”. (4) *Biến số tầng lớp* với 4 phương án trả lời gồm “tầng lớp hạ lưu”, “tầng lớp lao động”, “tầng lớp hạ trung lưu”, và “tầng lớp thượng trung lưu và tầng lớp thượng lưu”.

Phát hiện và thảo luận

Bảng 1: Chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và SWB so sánh giữa các nền văn hoá				
Biến phụ thuộc: Chỉ số SWB				
Biến độc lập	Nhóm nước phương Đông		Nhóm nước phương Tây	
	<i>Mô hình 1: không có biến điều khiển</i>	<i>Mô hình 2: Bao gồm biến điều khiển</i>	<i>Mô hình 3: Không có biến điều khiển</i>	<i>Mô hình 4: Bao gồm biến điều khiển</i>
Chỉ số IND	0.29 (0.07) ***	0.16 (0.06) *	0.32 (0.05)***	0.05 (0.05)
Chỉ số COL	0.10 (0.08)	0.13 (0.07)	0.40 (0.06)***	0.23 (0.09)***
Nhân tố bên trong				
Giới tính (Nam)	-	-0.22 (0.08)**	-	-0.05 (0.09)
Tuổi	-	0.004 (0.003)	-	-0.004 (0.003)
Tôn giáo (Theo)	Không theo (Vô thần)	-	-	-0.34 (0.10)***
Tình trạng sức khoẻ	-	0.62 (0.06)***	-	1.06 (0.07)***
Lòng tin xã hội	-	0.31 (0.08)***	-	0.27 (0.09)**
Mức độ tự do lựa chọn	-	0.27 (0.02)***	-	0.26 (0.03)***
Hài lòng với tài chính	-	0.57(0.03)***	-	0.40 (0.03)***
Nhân tố bên ngoài				
Thu nhập	-	0.07(0.02)***	-	0.002 (0.02)
Tình trạng hôn nhân	-	0.53(0.10)***	-	0.74 (0.10)***
Trình độ học vấn (IPS)	CPS	-	0.65(0.19)***	-
	CSS	-	0.64 (0.19)***	-
	CHS	-	0.68 (0.21)***	-
	HE	-	0.38 (0.21)	-
Tầng lớp xã hội (UM&U)	LM	-	0.14 (0.13)	-
	WC	-	0.15 (0.13)	-
	LC	-	-0.84 (0.29)**	-
Hằng số	1.44 (0.24)***	-6.99 (0.44)***	1.68 (0.20)***	-5.65 (0.46)***
Số quan sát (N)	3748	3323	3196	2827
Hệ số xác định (Rsq)	0.0054	0.3816	0.0158	0.3656

Ghi chú: - IPS: mù chữ/chưa đi học; CPS: tốt nghiệp tiểu học; CSS: tốt nghiệp trung học cơ sở; CHS: tốt nghiệp trung học phổ thông; HE: đại học và sau đại học.

- LC: tầng lớp thấp; WC: tầng lớp lao động; LM: tầng lớp hạ trung lưu; UM&U: tầng lớp thượng trung lưu và thượng lưu

- * $p < .05$; ** $p < .01$; *** $p < .001$ – Sai số chuẩn ở trong ngoặc đơn

Mối quan hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể với SWB có sự so sánh giữa các nền văn hoá được trình bày ở Bảng 1. Mô hình 1 và mô hình 3 thể hiện sự ảnh hưởng cơ bản của chỉ số IND và COL đến chỉ số SWB khi chưa có sự can thiệp ảnh hưởng của các

biến điều khiển. Mô hình 2 và mô hình 4 biểu diễn những ảnh hưởng của chỉ số IND và COL sau khi các biến can thiệp được bao gồm.

Mô hình 1 và 3 thể hiện mối tương quan thuận giữa chỉ số IND và chỉ số SWB ($p < .001$), điều này có nghĩa, ở cả hai nhóm nước, càng đề cao chủ nghĩa cá nhân, con người càng cảm thấy hạnh phúc. Trong khi đó, những mô hình này thể hiện sự không đồng nhất mối quan hệ giữa chỉ số COL và SWB. Ở nhóm các nước Phương Đông, việc đề cao hay xem nhẹ các giá trị định hướng tập thể không có mối liên hệ với SWB, tuy nhiên, các cá nhân ở nhóm nước Phương Tây đề cao những giá trị cá nhân trong quan niệm hạnh phúc của mình. Mối tương quan cùng chiều giữa chỉ số COL và chỉ số SWB ở mô hình 3 ($p < .001$) thể hiện mối liên hệ này. Như vậy, trong khi SWB ở nhóm nước phương Đông được xác định từ việc đề cao các giá trị định hướng cá nhân, chỉ số SWB ở nhóm nước phương Tây được giải thích bởi cả hai giá trị. Trên thực tế, IND và COL không phải là các biến số quan trọng xác định SWB ở cả hai nhóm. Hai chỉ số này chỉ giải thích được 0.54% sự biến thiên của chỉ số SWB ở mô hình 1, và 1.58% ở mô hình 3.

Sau khi các biến điều khiển được đưa vào mô hình 2 và mô hình 4, ảnh hưởng của chỉ số IND và COL đến SWB thay đổi. Dù bị điều chỉnh bởi ảnh hưởng của những nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài, chỉ số IND vẫn là một yếu tố xác định SWB ở nhóm nước phương Đông khi mối liên hệ giữa hai biến này đồng thuận ($p < .05$). Những người càng đề cao giá trị định hướng cá nhân, càng cảm thấy hạnh phúc. Sự liên hệ giữa hai yếu tố này biến mất ở nhóm các nước phương Tây khi các biến điều khiển được đưa vào mô hình phân tích. Về mối liên hệ giữa chỉ số COL và SWB, mô hình 4 thể hiện mối tương cùng chiều ($p < .001$), trong khi sự liên hệ giữa hai biến này không có ý nghĩa thống kê ở mô hình 2. Như vậy, ở nhóm các nước phương Tây, chủ nghĩa tập thể là một nhân tố giải thích trạng thái hạnh phúc cá nhân dù bị điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các biến kiểm soát.

Trạng thái hạnh phúc cá nhân cũng được giải thích bởi các nhân tố bên trong và bên ngoài khi các yếu tố này được đưa vào các mô hình. Ở nhóm các nước phương Đông, nữ hạnh phúc hơn nam giới ($p < .01$) tuy nhiên mức độ hạnh phúc không có sự khác biệt giữa các độ tuổi. Những người không có niềm tin vào các giá trị tôn giáo (vô thần) có chỉ số hạnh phúc thấp hơn so với những người theo tôn giáo ($p < .05$). Các biến số tình trạng sức khỏe, lòng tin xã hội, mức độ tự do chọn lựa, sự hài lòng về tài chính có mối tương quan thuận ($p < .001$) với chỉ số SWB. Đối với các nhân tố bên ngoài, thu nhập có mối liên hệ đồng thuận với chỉ số SWB ($p < .001$). Những người lập gia đình hay chung sống với nhau như những cặp đôi đã kết hôn có chỉ số hạnh phúc cao hơn các nhóm khác. Các cá nhân có trình độ học vấn và ở những tầng lớp xã hội khác nhau cũng có mức độ hạnh phúc khác nhau. Những người tốt nghiệp cấp I, cấp II và cấp III hạnh phúc hơn những người mù chữ hoặc chưa được đi học ($p < .001$). Trong khi đó, một điều thú vị, những người học đại học hoặc cao hơn không có sự khác biệt về chỉ số SWB so với những người chưa

được đi học hoặc mù chữ. Những người ở tầng lớp cao trong xã hội có chỉ số SWB cao hơn những người tự nhận mình ở tầng lớp thấp nhất ($p < .01$).

Ở nhóm các nước phương Tây, các biến số như giới tính và tuổi không được thể hiện giải thích được sự biến thiên của chỉ số SWB, tuy vậy, có sự khác biệt về chỉ số SWB ở những người theo tôn giáo hay không. Những người tự nhận không theo tôn giáo hoặc không có niềm tin vào tôn giáo (vô thần) có mức độ hạnh phúc thấp hơn những người theo tôn giáo ($p < .001$ và $p < .05$). Tình trạng sức khoẻ cá nhân, lòng tin xã hội, mức độ tự do chọn lựa, sự hài lòng với tình trạng tài chính tương quan thuận với SWB ($p < .001$). Khác với nhóm các nước phương Đông, những người có mức thu nhập khác nhau không thể hiện mức độ hạnh phúc khác nhau, trong khi đó, mối liên hệ giữa biến tình trạng hôn nhân và chỉ số SWB lại tương đồng như ở những người thuộc các nước phương Đông. Những người ở trong mối quan hệ hôn nhân hoặc sống chung với nhau như hôn nhân cảm thấy hạnh phúc hơn những đối tượng khác ($p < .001$). Ngược lại với nhóm nước phương Đông, các cá nhân có trình độ học vấn và tự nhận ở những tầng lớp xã hội khác nhau không thể hiện sự khác biệt về mức độ hạnh phúc ở nhóm các nước phương Tây. Các nhân tố bên trong và bên ngoài này được chứng minh là những yếu tố xác định quan trọng đối với chỉ số SWB, điều này được thể hiện thông qua phương sai của SWB được giải thích khá cao ở mô hình 2 và 4, lần lượt 38.16% và 36.56%.

Phát hiện của nghiên cứu này trái ngược với những kết quả của những nghiên cứu phân tích ở cấp độ xã hội về mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và SWB. Vậy, một câu hỏi đặt ra, đâu là những giải thích cho những phát hiện này? Một trong những lý luận nên được xem xét đến từ lý thuyết tân hiện đại hoá. Lý thuyết này cho rằng, sự phát triển kinh tế dẫn đến chất lượng, tiêu chuẩn cuộc sống và giáo dục được nâng cao. Sự đảm bảo các giá trị vật chất không còn là những ưu tiên hàng đầu mà đã trở thành điều hiển nhiên. Ở giai đoạn này, con người được giải phóng và có rất nhiều những mục tiêu theo đuổi, trong đó, sự công nhận cá nhân, biểu đạt bản thân và tự do ý chí là những giá trị được đề cao hơn cả (Fukuyama, 1995). Những cơ sở lập luận này ít nhiều được chứng minh ở những nước châu Á, và Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam không phải là những ngoại lệ. Nhật Bản và Đài Loan là hai quốc gia, vùng lãnh thổ có nền kinh tế thị trường phát triển hàng đầu Châu Á. Tuy Việt Nam là một nước nghèo hơn, cơ chế về một nền kinh tế thị trường đã đưa đến sự tăng lên về thu nhập, mức sống, các giá trị vật chất dần được đảm bảo. Nền kinh tế thị trường được vận hành cũng tạo điều kiện cho các khía cạnh của những giá trị định hướng cá nhân như tính cạnh tranh, lợi ích, quyền lợi cá nhân... lan toả và phát triển (Steele và Lynch, 2013). Việc ngày càng được đề cao trong bối cảnh phát triển kinh tế, các giá trị cá nhân dần trở thành một trong những khía cạnh trong quan niệm hạnh phúc cá nhân ở những người Đông Á, và cá nhân ở những nền văn hoá này cần được thoả mãn các giá trị này để được hạnh phúc. Ở chiều ngược lại, các cá nhân ở nền văn hoá phương Tây đề cao các giá trị tập thể trong quan niệm hạnh phúc là một vấn đề tương đối nghịch lý. Nguyễn Hữu An (2016) phát hiện rằng, ở cấp độ phân tích cá nhân, những

người đến từ phương Tây có chỉ số COL trung bình cao hơn so với những người đến từ các nước phương Đông, có nghĩa rằng, những cá nhân ở nhóm các nước phương Tây đề cao giá trị tập thể hơn những cá nhân ở các nước phương Đông. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa những người đến từ nhóm nước phương Tây không đề cao các giá trị cá nhân bởi hai giá trị này độc lập với nhau ở cấp độ phân tích cá nhân. Từ quan điểm này có thể thấy rằng, những người phương Tây xem giá trị tập thể như một chỉ báo quan trọng trong cuộc sống, và hạnh phúc khi được quan tâm, chăm sóc trong các mối quan hệ xã hội. Trên thực tế, phát hiện này cần được kiểm định thêm ở các nghiên cứu tiếp theo liên quan đến mối quan hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể với sự hạnh phúc, và sự thay đổi về quan niệm hạnh phúc liên quan đến các giá trị cá nhân và các giá trị tập thể ở các nền văn hoá phương Đông và phương Tây theo thời gian. Thêm nữa, giá trị cá nhân/giá trị tập thể, hạnh phúc là những khái niệm, quan niệm xã hội rất phức tạp, trừu tượng và nhiều chiều cạnh, chính vì thế việc đo lường các khái niệm này ở những nghiên cứu và phân tích định lượng không có sự thống nhất. Vấn đề mang tính phương pháp và phân tích này đặt ra cho những nghiên cứu tiếp theo liên quan đến chủ đề nghiên cứu này.

Kết luận

Nghiên cứu này kiểm định mối liên hệ giữa chủ nghĩa cá nhân/chủ nghĩa tập thể và mức độ hạnh phúc có sự so sánh giữa các nền văn hoá ở cấp độ phân tích cá nhân. Những phát hiện của nghiên cứu này đã bác bỏ giả thuyết được đưa ra với nhận định rằng, ở nền văn hoá phương Tây, những người càng đề cao giá trị cá nhân, càng cảm thấy hạnh phúc, trong khi đó ở nền văn hoá phương Đông, mức độ hạnh phúc càng tăng khi cá nhân được thoả mãn các giá trị tập thể.

Kết quả mang tính đối lập với những quan niệm thông thường cũng như mối quan hệ giữa hai hiện tượng này ở cấp độ phân tích xã hội đã gợi mở những vấn đề liên quan cho những nghiên cứu tiếp theo. Đó là những nội dung xoay quanh quan niệm về hạnh phúc cá nhân giữa các nền văn hoá, các cơ chế cho sự phát triển giá trị định hướng cá nhân ở những nền văn hoá mang tính định hướng tập thể, hay những nguyên nhân cho sự lan toả giá trị định hướng tập thể ở những nền văn hoá đề cao chủ nghĩa cá nhân. Và sự đo lường các khái niệm liên quan đến giá trị cá nhân, giá trị tập thể và trạng thái hạnh phúc cá nhân với những yêu cầu về độ tin cậy và tính chính xác cũng nên được xem xét ở những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. An, N. H. (2016). The cultural difference between the "West" and the "East": A Comparative Study on The Value Dimension of Individualism and Collectivism (Master thesis, University of Warsaw).

2. **Ahuvia**, A. C. (2002). Individualism/collectivism and cultures of happiness: A theoretical conjecture on the relationship between consumption, culture and subjective well-being at the national level. *Journal of Happiness Studies*,3(1), 23-36.
3. **Fukuyama**, F. (1995). Confucianism and democracy. *Journal of Democracy*,6(2), 20-33.
4. **Gelfand**, M. J., **Triandis**, H. C., & **CHAN**, D. K. S. (1996). Individualism versus collectivism or versus authoritarianism?. *European Journal of Social Psychology*, 26(3), 397-410.
5. **Inglehart**, R., **Foa**, R., **Peterson**, C., & **Welzel**, C. (2008). Development, freedom, and rising happiness: A global perspective (1981–2007). *Perspectives on psychological science*, 3(4), 264-285.
6. **Lonner**, W. J., **Berry**, J. W., & **Hofstede**, G. H. (1980). Culture's consequences: International differences in work-related values.
7. **Ng**, Y. K. Happiness, Life Satisfaction, or Subjective Well-being? A Measurement and Moral Philosophical Perspective.
8. **Ogihara**, Y., & **Uchida**, Y. (2014). Does individualism bring happiness? Negative effects of individualism on interpersonal relationships and happiness. *Frontiers in Psychology*, 5, 135.
9. **Steele**, L. G., & **Lynch**, S. M. (2013). The pursuit of happiness in China: Individualism, collectivism, and subjective well-being during China's economic and social transformation. *Social indicators research*, 114(2), 441-451.
10. **Triandis**, H. C. (1995). *Individualism & collectivism*. Westview press.
11. **Uchida**, Y., **Norasakkunkit**, V., & **Kitayama**, S. (2004). Cultural constructions of happiness: theory and empirical evidence. *Journal of happiness studies*, 5(3), 223-239.
12. **Uchida**, Y., & **Oishi**, S. (2016). The happiness of individuals and the collective. *Japanese Psychological Research*, 58(1), 125-141.
13. **Yoon**, K. I. (2010). Political culture of individualism and collectivism (Doctoral dissertation, The University of Michigan).

THE RELATIONSHIP BETWEEN INDIVIDUALISM/COLLECTIVISM AND SUBJECTIVE WELL-BEING AMONG CULTURES

Nguyen Huu An

Department of Sociology – Hue University of Science

Abstract:

The present study employs data from the World Values Survey to test the link between individualism/collectivism and subjective well-being at individual level of analysis. Opposite to conventional insight and related analyses at cultural level, the empirical result found that individuals from the West need to focus on collectivistic values to be happy, while individuals from the East are satisfied in life when they are more preferred to individualism.

Key words: Individualism, collectivism, happiness, well-being, social values